

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HC-ST

Ngày: 12 / 6 / 2017

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai, hủy quyết định thu
hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Vĩnh Thành;
2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2015/TLST-HC ngày 17 tháng 11 năm 2015 về việc “V/v khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-HC ngày 03 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐST-HC, ngày 23 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Trần Thị Bích Đ, sinh năm 1947, địa chỉ: số 253, tổ 5, khóm Q, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; Có bà Phạm Thị Hồng Y, sinh năm 1973, cùng địa chỉ đại diện theo ủy quyền; bà Đ và bà Y có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lôi V – Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; trụ sở tại: số 10, đường Lê Lợi, phường C, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đinh Văn B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 18/GUQ-UBND ngày 20/7/2016); vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Tôn Chí D, sinh năm 1978, địa chỉ: tổ 11, ấp Mỹ Z, xã Mỹ Q, huyện Châu R; có mặt.

- Bà Võ Thị Ánh N, sinh năm 1961, địa chỉ: tổ 18, khóm Châu L 8, phường C, thành phố Châu Đốc; vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bà Tôn Thị Đức H, sinh năm 1963; địa chỉ: số 87/7 Nguyễn Hữu Cảnh, tổ 21, khóm 6, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bà Đỗ Thị Cẩm E, sinh năm 1973; địa chỉ: số 402 đường V, khóm H, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Ông Trần Văn G, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Số 204A/11, đường Phan Bội E, khóm Bình T, phường Bình L, thành phố Long X, tỉnh An Giang; ông G và bà K đều vắng mặt (bà K có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai của người khởi kiện là bà Trần Thị Bích Đ trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ trình bày:

Bà Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Châu Đốc, về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số H01791cE ngày 29/9/2006 do UBND thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc cấp cho bà với lý do, việc cấp quyền sử dụng đất (QSDĐ) cho bà là không đúng quy định, chồng lấn lên một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông Tôn Chí D theo GCN QSDĐ số 0081cE do UBND thị xã (nay gọi là thành phố) Châu Đốc cấp ngày 18/3/2005.

Bà cho rằng, UBND thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định nói trên là không có căn cứ. Vì nguồn gốc QSDĐ là do chồng bà ông Phạm Quế P nhận chuyển nhượng lại của ông Đỗ Thành T vào ngày 19/4/1990, có lập giấy tay, có bản vẽ thuyết minh và nhiều nhân chứng ký tên. Quá trình sử dụng, ông P và bà Đ có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế từ năm 1995 trở về sau. Vào năm 1992, ông P có cho bà Võ Thị Ánh N ở nhờ trên đất của ông P, bà Đ. Vài năm sau, bà N được hỗ trợ cất nhà tình nghĩa ở nơi khác nhưng bà N không đồng ý và có yêu cầu được tiếp tục ở nhờ trên đất của ông P, bà Đ. Được chính quyền địa phương vận động, ông P chấp nhận cho bà N tiếp tục ở nhờ. Năm 1994, ông P chết. Vào năm 2003, khi đoàn đo đạc đến đo đạc diện tích đất nói trên để cấp GCN QSDĐ cho bà Đ, bà Đ có xuất trình hồ sơ kèm theo giấy sang nhượng QSDĐ giữa ông P và ông T vào ngày 19/4/1990, hồ sơ đề nghị cấp giấy được chính quyền địa

phương, cơ quan chức năng xác nhận không tranh chấp, thống nhất đề nghị duyệt cấp. Tuy nhiên, bà Đ không thực hiện thủ tục ủy quyền của các con bà đối với phần di sản thừa kế của ông P. Đến ngày 29/9/2006, UBND thị xã Châu Đốc cấp GCN QSDĐ cho bà Đ với diện tích 846,8m² số H01791cE, trong đó có diện tích 300m² là đất ở, diện tích 546,8m² là đất trồng cây lâu năm. Bà Đ cho rằng, việc cấp GCN QSDĐ cho bà là không trái pháp luật.

Ngoài đơn khởi kiện, bà Đ giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ bao gồm: bản sao Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND thành phố Châu Đốc; bản sao GCN QSDĐ số H01791cE ngày 29/9/2006 mang tên bà Trần Thị Bích Đ; bản sao biên bản xác định ranh giới – mốc giới khu đất ngày 07/3/2003; bản sao Tờ giao ước thỏa thuận ngày 19/4/1990; bản sao đơn xin đăng ký QSDĐ ngày 12/8/2004.

- Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố Châu Đốc, ông Đinh Văn B – Phó chủ tịch UBND thành phố Châu Đốc cho rằng, việc thu hồi GCN QSDĐ số H01971cE ngày 29/9/2006 của bà Đ theo Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc được thực hiện đúng trình tự và quy định của pháp luật, nên không có cơ sở để thu hồi và cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ cấp GCN QSDĐ cho bà Trần Thị Bích Đ và ông Tôn Chí D.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tôn Chí D có lời khai, vào tháng 7/2011, ông được chỉ ruột là bà Tôn Thị Đức H tặng cho QSDĐ với diện tích 73,4m², tọa lạc tại tổ 5, khóm Q, phường Vĩnh M, thành phố Châu Đốc theo GCN QSDĐ số 0081cE ngày 18/3/2005. Trên đất, có tồn tại căn nhà với diện tích nhỏ hơn diện tích đất gắn liền. Việc tặng cho QSDĐ có lập thành hợp đồng, được công chứng, chứng thực và đã hoàn thành thủ tục chuyển đổi tên. Ông thống nhất với Quyết định thu hồi QSDĐ của bà Đ theo GCN QSDĐ số H01971cE ngày 29/9/2006, vì việc cấp QSDĐ cho ông là đúng quy định.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ánh N khai rằng, diện tích mà ông D được cấp quyền sử dụng theo GCN QSDĐ số 0081cE, ngày 18/3/2005 có nguồn gốc là do bà tự chiếm dụng và ở từ năm 1989. Đến năm 1993 thì bà được Nhà nước hỗ trợ cho cất nhà tình nghĩa. Năm 1996, bà chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất cho ông C (bà không rõ thông tin của ông C). Quá trình sử dụng, bà chưa được cấp GCN QSDĐ, quyền sở hữu nhà. Bà N xác định, khoảng 2 năm sau khi bà tự chiếm dụng phần đất nói trên thì ông P mới nhận chuyển nhượng QSDĐ từ ông T. Bà không rõ diện tích nhận chuyển nhượng bao nhiêu nhưng có bao gồm diện tích đất hiện nay bà Đ được cấp quyền sử dụng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K, ngày 10/6/2016 có lời khai: Bà và ông Trần Văn G là vợ chồng, khoảng hơn 18 năm về trước vợ chồng có nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông I (không rõ họ tên địa chỉ) với diện tích 73,4 m². Sau đó, vợ chồng về thành phố Long X sinh sống nên chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Tấn S và làm hồ sơ kê khai cấp quyền

sử dụng số 00259 QSDĐ/Bđ ngày 27/02/2003, nhưng lập hợp đồng chuyển nhượng với bà Đỗ Thị Cẩm H (vợ ông S). Do bà không biết nên không ký tứ cận để bà Đ kê khai đăng ký QSDĐ. Đối với khiếu kiện của bà Đ, không liên quan đến vợ chồng bà. Bà K xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập đối thoại, đối chất, tham dự phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Cẩm E, ngày 31/03/2017 có bản tự khai: Vào ngày 12/3/2004, bà có nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị K diện tích 73,4 m². Sau khi thanh toán đủ tiền, bà được UBND thành phố Châu Đốc cấp GCN QSDĐ số 00259/QSDĐ/Bđ ngày 14/5/2004. Đến ngày 31/01/2005, bà chuyển nhượng lại cho bà Tôn Thị Đức H. Ngày 18/3/2005, bà Đức H được cấp GCN QSDĐ số 0081cE mang tên bà H, ông T. Đối với yêu cầu của bà Đ, bà Cẩm E không có ý kiến và xin được vắng mặt khi vụ án đưa ra xét xử.

Ông D, bà N, bà Khánh, bà Đức H và bà Cẩm E không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác ngoài lời khai.

Tại phiên tòa, các đương sự có mặt giữ nguyên ý kiến và xác định đã cung cấp đủ chứng cứ, không đề nghị Tòa án xác minh, thu thập thêm chứng cứ.

Luật sư – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng, UBND thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 về việc thu hồi GCN QSDĐ số H01791cE cấp ngày 29/9/2006 cho bà Trần Thị Bích Đ do chồng lên phần đất thuộc GCN QSDĐ số 0081cE ngày 18/3/2005 là không đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc,

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 130 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Hội đồng xét xử tại phiên tòa tuân theo đúng các quy định Luật tổ tụng hành chính về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án,

Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND thành phố Châu Đốc ban hành căn cứ Luật đất đai 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009. Nội dung Quyết định thu hồi GCN QSDĐ số H01791cE ngày 29/9/2006 cấp cho bà Trần Thị Bích Đ là đúng quy định của pháp luật vào thời điểm áp dụng sau khi đã thẩm tra.

Về thẩm quyền ban hành, UBND thành phố Châu Đốc là cơ quan có thẩm quyền cấp GCN QSDĐ nên có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi GCN QSDĐ số H01791cE ngày 29/9/2006.

Căn cứ vào hồ sơ xin cấp quyền sử dụng của bà Đ thể hiện trên diện tích 846,8 m² do bà Đ kê khai có diện tích đất 73,4m² cùng nhà ở của bà K, nhưng tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới khu đất lập ngày 07/3/2003 không thể hiện chữ ký của bà K, đồng thời căn cứ vào bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Châu Đốc lập ngày 04/11/2014 thể hiện diện tích đất bà Đ được cấp QSDĐ đã chồng lấn lên diện tích 73,4m² của bà K (hiện nay là của ông D) tại các điểm 47, 48, 49, 50. Vì vậy việc UBND thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 thu hồi GCN QSDĐ số H01791cE cấp ngày 29/9/2006 cho bà Đào là có căn cứ, nên yêu cầu của bà Đ không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền:

Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND thành phố Châu Đốc về việc thu hồi GCN QSDĐ số H01791.cE do UBND thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc cấp ngày 29/9/2006 mang tên bà Trần Thị Bích Đ là đối tượng bà Đ khởi kiện nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 và khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- Thời hiệu khởi kiện:

Bà Trần Thị Bích Đ nhận Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND thành phố Châu Đốc vào ngày 11/4/2014. Ngày 14/4/2014, bà Đào khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính. Căn cứ vào quy định tại Điều 116 Bộ luật tố tụng hành chính 2015 thì còn thời hiệu khởi kiện.

- Về quyền khởi kiện: Bà Đ không đồng ý với Quyết định số 729/QĐ-UBND. Căn cứ Điều 115 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, bà Đ có quyền khởi kiện.

- Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Người bị kiện UBND thành phố Châu Đốc, có ông Đinh Văn B đại diện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N, bà K, bà Cẩm E vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông G vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 1 Điều 158 và khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND thành phố Châu Đốc ban hành về việc thu hồi sử dụng đất số H01791.cE ngày 29/9/2006 cấp cho bà Trần Thị Bích Đ.

- Về hình thức của Quyết định được thể hiện bằng văn bản là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về nội dung của Quyết định:

+ Căn cứ thu hồi GCN QSDĐ:

UBND thành phố Châu Đốc căn cứ Luật Đất đai 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 về việc thu hồi GCN QSDĐ số H01791.cE ngày 29/9/2006 cấp cho bà Trần Thị Bích Đ là đúng quy định của pháp luật.

+ Thẩm quyền ban hành, UBND thành phố Châu Đốc có thẩm quyền cấp GCN QSDĐ thì có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi GCN QSDĐ số H01791.cE ngày 29/9/2006 cấp cho bà Đ là đúng theo quy định Luật Đất đai 2003.

+ Trình tự thu hồi,

Khoản 2 Điều 25 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định thu hồi GCN đã cấp trái pháp luật thực hiện:

a

b. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCN tự kiểm tra và phát hiện GCN đã cấp là trái pháp luật thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới cơ quan thanh tra cùng cấp để thẩm tra,..."

c. Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện GCN đã cấp trái pháp luật thì gửi kiến nghị, phát hiện đến cơ quan nhà nước đã cấp GCN. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm xem xét, giải quyết theo quy định tại điểm b khoản này".

Quyết định 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 ban hành căn cứ vào Kết luận Ban thanh tra thị xã (nay là thành phố) Châu Đốc số 66/KL-TTr ngày 24/4/2013 là đúng trình tự, thủ tục.

+ Lý do thu hồi,

Người khởi kiện khai, nguồn gốc đất là do ông Phạm Quế P nhận chuyển nhượng lại của ông Đỗ Thành T vào ngày 19/4/1990, có lập giấy tay, có bản vẽ thuyết minh. Năm 1994, ông P chết, bà Đ là người trực tiếp sử dụng đất. Quá trình sử dụng, bà Đ có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế từ năm 1995 trở về sau. Đến năm 2006, bà Đ mới làm thủ tục và được cấp GCN QSDĐ số H01791.cE ngày 29/9/2006.

Về tài liệu, chứng cứ chứng minh do bà Đ cung cấp, qua xem xét "Tờ giao ước thỏa thuận" ngày 19/4/1990 giữa ông T và ông P cho thấy, nội dung tờ giao ước thể hiện phần đất chuyển nhượng do nhà nước quản lý, sử dụng cho công trình quốc lộ 91, mặt khác không thể hiện rõ diện tích chuyển nhượng, cũng như

vị trí khu đất. Nên không thể xác định được diện tích, vị trí đất mà ông T chuyển nhượng quyền sử dụng cho ông P có bao gồm diện tích đất cho bà N ở nhờ (hiện nay ông D được cấp quyền sử dụng) hay không. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ cũng không cung cấp cho Tòa án thông tin của những người làm chứng thể hiện trong “Tờ giao ước thỏa thuận” để Tòa án thu thập lời khai cũng như chứng cứ chứng minh việc cho bà N cất nhà ở nhờ trên đất.

Người bị kiện có văn bản ý kiến và chứng minh Quyết định 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND thành phố Châu Đốc thu hồi GCN QSDĐ số H01791.cE ngày 29/9/2006 của bà Đ là đúng quy định như sau: Trước đây, ông Tôn Chí D khởi kiện bà Trần Thị Bích Đ có hành vi cản trở ông trong việc sử dụng đất đối với diện tích đất mà ông D được cấp quyền sử dụng nói trên, UBND thành phố Châu Đốc là cơ quan tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Sau khi nghiên cứu bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp và xem xét quá trình, quy trình cấp GCN quyền sử dụng số H01791cE ngày 29/9/2006 cho bà Đ, thấy có sự chồng lấn lên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị K theo GCN QSDĐ số 00259QSDĐ/Bđ ngày 27/02/2003. Ngày 12/3/2004, bà K làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Cẩm E và được cấp GCN số 00259QSDĐ/Bđ ngày 14/5/2004. Ngày 31/01/2005, bà Cẩm E tiếp tục chuyển nhượng cho ông Trần Hữu T và bà Tôn Thị Đức H, được cấp GCN số 0081cE ngày 18/3/2005. Ngày 13/5/2009, bà Đức H nhận thừa kế quyền sử dụng diện tích đất 73,4m² theo thỏa thuận phân chia di sản thừa kế với tờ bản đồ số 26, số thửa mới 66 và được Văn phòng Đăng ký QSDĐ thị xã Châu Đốc (nay là Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Châu Đốc) xác nhận ngày 09/6/2009. Ngày 27/7/2001, bà Đức H tặng QSDĐ nói trên lại cho ông Tôn Chí D, nên việc thu hồi GCN QSDĐ của bà Đ là có căn cứ.

Bản gốc trích đo hiện trạng ngày 03/11/2014 của Văn phòng đăng ký QSDĐ (nay là Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Châu Đốc) thể hiện diện tích đất bà Đ được cấp quyền sử dụng đã chồng lấn lên diện tích 73,4m² của bà K (hiện nay là của ông D) tại các điểm 47,48,49,50.

Xét lý lẽ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là không có căn cứ chấp nhận.

Với chứng cứ của người bị kiện, phù hợp với lời khai của người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đã chứng minh được việc cấp QSDĐ cho bà Đ có sự sai sót của cơ quan có thẩm quyền.

UBND thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 về việc thu hồi GCNQSDĐ số H01791cE do UBND thị xã Châu Đốc cấp ngày 29/9/2006 cho bà Trần Thị Bích Đ để điều chỉnh cấp lại cho đúng quy định pháp luật là có căn cứ.

Vì vậy chấp nhận theo quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát.

Từ những nhận định trên, xét không có cơ sở hủy Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND thành phố Châu Đốc. Do đó bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Về chi phí ký hợp đồng xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ đã tạm ứng 589.000 đồng. Do yêu cầu của bà Đ không được chấp nhận nên bà Đ phải chịu. Tại phiên tòa, ông D tự nguyện chịu 171.000 đồng chi phí đo đạc đối với phần đất ông được cấp quyền sử dụng nên không xem xét.

Bà Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 38 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 206, Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 729/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc .

Bà Trần Thị Bích Đ phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ 589.000 (năm trăm tám mươi chín triệu) đồng.

Về án phí:

Bà Trần Thị Bích Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2014/0001777 ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Châu Đốc (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh AG (1);
- Chi cục thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy